

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17/8/2021

V/v hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị T1 và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021:

Nguyên đơn: Chị Quách Thị V, sinh năm 19xx

HKTT, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 19xx

Nơi cư trú: huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5 Bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo vụ việc: Ông Nguyễn Xuân Thọ - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thái Thụy.

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị V, ông Thọ đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Quách Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trọng Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/10/2007 tại UBND xã X, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ chơi bời cờ bạc không tu chí làm ăn, nợ nần dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Chị đã nhiều lần khuyên bảo, động viên anh Đ tu chí làm ăn, không chơi bời nữa. Anh Đ đã nhiều lần ăn năn, hối lỗi và hứa hẹn sẽ thay đổi nhưng chỉ được một thời gian anh Đ lại quay về đường cũ. Đến năm 2018 mâu thuẫn xảy ra căng thẳng hơn vì vợ chồng chị ở chung với bố mẹ chồng, giữa chị và gia đình chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt nhưng anh Đ không đứng ra hòa giải, không có tiếng nói để bảo vệ vợ con. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Đến tháng 01 năm 2021 chị không thể chịu đựng được nữa nên đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có tương lai nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có ba con chung là Nguyễn Thị A, sinh ngày 15/3/2009, Nguyễn Trọng Thành V, sinh ngày 22/4/2014 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 27/01/2018. Từ khi ly thân đến nay chị nuôi cháu Nguyễn Thanh T1 còn anh Đ nuôi cháu A, cháu V. Do sau khi ly thân, chị mới chuyển chỗ ở về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ và đang đi học việc nên chị chỉ có khả năng nuôi 01 con chung. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và giao cho anh Đ nuôi dưỡng hai con cháu A, cháu V. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V số tiền là 1.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 5 năm 2021 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị chung sống với nhau hơn 10 năm nhưng do anh Đ không tu chí và chơi bời nên anh chị không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị có đứng tên vay vốn nước sạch là 20.000.000 đồng ngày vay 25/9/2020, lãi suất 9%/ năm của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thái Thụy. Trước khi mở phiên Tòa, chị đã trả hết số tiền vay trên cho Ngân hàng. Đến nay vợ chồng chị không có nợ chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện chị ở xa, ảnh hưởng của dịch bệnh covid nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại phiên Tòa.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và các lời khai tiếp theo anh Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời khai của chị V về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2014 do anh ham chơi bời nên giữa hai vợ chồng nảy sinh cãi nhau nhưng mâu thuẫn không lớn nên hai vợ chồng vẫn chung sống bình thường. Đến năm 2018, 2019 thì do anh chị ở chung cùng bố mẹ anh và chị gái anh nên giữa chị chồng và vợ anh có xảy ra mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình nhưng sau đó anh đã đứng ra hòa giải để cả gia đình chung sống hòa thuận. Đến cuối năm 2020 chị V tiếp tục phát hiện anh chơi bời phải vay nợ nên giữa hai vợ chồng xảy ra cãi nhau và chị V cùng con nhỏ bỏ đi. Từ tháng 01 năm 2021 đến nay anh chị sống ly thân. Nay chị V xin ly hôn anh, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn.

Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Anh hứa sẽ thay đổi, không chơi bời và tu chí làm ăn.

- Về con chung: Anh và chị V ba con chung là Nguyễn Thị A, sinh ngày 15/3/2009, Nguyễn Trọng Thành V, sinh ngày 22/4/2014 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 27/01/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, 02 con lớn là cháu A và cháu V do anh nuôi dưỡng còn cháu T1 do chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn anh đề nghị giao cả 03 con chung cho chị V nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 1.000.000 đồng một tháng, 03 con là 3.000.000 đồng kể từ tháng 5 năm 2021 đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Về khoản nợ nước sạch vay của ngân hàng chính sách huyện Thái Thụy do chị V đứng tên vay và sử dụng tiền vay nên anh đề nghị Tòa án buộc chị V phải có trách nhiệm trả khoản nợ trên. Nay chị V đã trả nợ anh không có ý kiến gì. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn yêu cầu, bản tự khai, đơn xin rút đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, ông Nguyễn Xuân Thọ, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội trình bày:*

Tháng 9 năm 2020 thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn thôn Bình An thuộc quản lý của Hội phụ nữ xã X, Ngân hàng chính sách xã hội đã cho chị Quách Thị V – đại diện gia đình đứng ra vay vốn để xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng. Ngày vay 25/9/2020, lãi suất vay 9%/năm. Thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là 25/9/2025. Tổng số lãi tạm tính đến ngày 11/4/2020 là 83.836 đồng. Nay vợ chồng anh Đ, chị V ly hôn, ngân hàng yêu cầu chị V phải trả nợ trước hạn tổng số tiền 20.000.000 đồng và lãi tính đến ngày trả hết nợ. Đến nay 06/7/2021 đã chị V đã cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi như đã nêu trên. Vì vậy Ngân hàng chính sách xã hội xin rút đơn yêu cầu giải quyết về nợ và xin được vắng mặt tại phiên Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai không có lý do là đã tự từ bỏ quyền của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: Xử cho chị Quách Thị V được ly hôn anh Nguyễn Trọng Đ; Về quan hệ con chung: Giao anh Đ trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 15/3/2009, Nguyễn Trọng Thành V, sinh ngày 22/4/2014. Giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 27/01/2018. Chấp nhận việc chị Quách Thị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Thanh T1 số tiền là 1.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 5 năm 2021 đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Chị V và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu giải quyết nợ của Ngân hàng chính sách xã hội nhà nước huyện Thái Thụy. Chị V phải chịu án

phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên Tòa vắng mặt các đương sự. Trong đó nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị V và anh Nguyễn Trọng Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 30/10/2007. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị thì thấy trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 do anh Đ ăn chơi, nợ nần, không tu chí làm ăn. Sau đó, mặc dù anh Đ đã nhận ra lỗi lầm và hứa sẽ thay đổi nhưng chỉ được một thời gian anh Đ lại tiếp tục ăn chơi, không lo làm ăn. Ngoài ra mâu thuẫn của anh chị còn xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị V và người thân của anh Đ khi cùng sống chung nhà. Anh chị đều thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ tha thiết mong vợ chồng về đoàn tụ. Tòa án đã giành nhiều thời gian để anh Đ thuyết phục chị V về chung sống đồng thời tiến hành hòa giải cho vợ chồng anh chị đoàn tụ, anh Đ đã hứa sẽ tu chí làm ăn, không chơi bời và mong chị V tha thứ. Nhưng chị V không còn tin tưởng anh Đ, do anh Đ đã nhiều lần hứa nhưng không thực hiện được. Chị V không đồng ý về chung sống cùng anh Đ và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị V và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị V được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị V và anh Đ ba con chung là Nguyễn Thị A, sinh ngày 15/3/2009, Nguyễn Trọng Thành V, sinh ngày 22/4/2014 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 27/01/2018. Sau khi ly hôn, chị V có nguyện vọng nuôi cháu T1, giao cho anh Đ nuôi hai con lớn. Anh Đ có nguyện vọng giao cả ba con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu A và cháu V khi được Tòa án hỏi mong muốn được ở cùng bố hay mẹ đều từ chối thể hiện nguyện vọng. Về điều kiện nuôi con chung, cả anh Đ và chị V đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Cả hai đều chưa có nhà cửa riêng, điều kiện nuôi con chung còn khó khăn nên nếu giao cả 03 con chung cho một người nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo đủ điều kiện nuôi con chung. Mặt khác từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân, cháu A và cháu V được anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, phát triển đầy đủ

đã được chính quyền địa phương, gia đình xác nhận. Hai cháu hiện đang học tập, sinh hoạt ổn định tại xã X, thân nhân của anh Đ cũng xác nhận sẽ phụ giúp anh Đ chăm sóc 02 cháu. Đối với cháu T1 còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ hơn và thực tế từ khi anh chị ly thân cháu T1 đang được ở chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy để tránh sự xáo trộn tâm lý do thay đổi môi trường sống và vì lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng của chị V, giao cho anh Đ nuôi hai con lớn còn chị V nuôi con nhỏ là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của anh Đ, chị V và quy định của luật hôn nhân gia đình.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung con chị V nuôi dưỡng 01 con chung nên chị V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 01 con chung cùng anh Đ. Xét thấy, chị V không có việc làm ổn định, hiện nay còn đang đi học nghề, không có tài sản gì lớn và còn phải nuôi 01 con còn nhỏ, nên việc chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V cùng anh Đ số tiền 1.000.000 đồng một tháng là phù hợp với điều kiện thực tế của chị V nên cần được chấp nhận.

[5]. Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự đều xác nhận, chị V có vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền là 20.000.000 đồng để xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Tuy nhiên đến trước khi mở phiên Tòa, chị V đã tự nguyện trả toàn bộ gốc và lãi. Ngân hàng chính sách xã hội đã có đơn rút yêu cầu giải quyết nợ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 và 218 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội và các đương sự không phải chịu án phí đối với yêu cầu giải quyết nợ.

[7] Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị V và anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 217, 218, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị V ly hôn anh Nguyễn Trọng Đ.

2. Về con chung: Chị V và anh Đ ba con chung là Nguyễn Thị A, sinh

ngày 15/3/2009, Nguyễn Trọng Thành V, sinh ngày 22/4/2014 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 27/01/2018. Ly hôn, giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị A và cháu Nguyễn Trọng Thành V, giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh T1. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị V về việc chị V cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng Thành V số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) một tháng kể từ tháng 5 năm 2021 đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Chị V, anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Quách Thị V và anh Nguyễn Trọng Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về nợ chung*: Đình chỉ yêu cầu giải quyết nợ của Ngân hàng chính sách xã hội đối với khoản tiền chị V vay vốn theo chương trình nước sạch.

5. *Về án phí*: Chị Quách Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001996 ngày 09/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí. Chị V còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. *Về quyền kháng cáo*: Chị Quách Thị V, anh Nguyễn Trọng Đ và Ngân hàng chính sách xã hội có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy.
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

